

Số: 12/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Lê.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 05/2026/TLST-VLĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 05/2026/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; căn cước công dân số: 04417400xxxx; địa chỉ thường trú: thôn 5, xã PN, tỉnh QT; địa chỉ tạm trú: số nhà 59D8/8C khu phố ĐA 3, phường BH, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH TT; địa chỉ trụ sở: Lô A3, đường N1, Cụm công nghiệp TM, xã TM, huyện BTU, tỉnh BD (nay là phường TU, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: ông Shen, PH, sinh năm 1957 - Chức danh: Tổng giám đốc; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; căn cước công dân số: 04417501xxxx; địa chỉ thường trú: thôn 2, xã PN, tỉnh QT; có đơn xin vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở TU; địa chỉ trụ sở: khu phố UH 5, phường TU,

Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị H trình bày:* Khoảng tháng 4/2006, bà Nguyễn Thị H có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H làm hồ sơ xin việc vào làm tại Công ty TNHH TT(sau đây gọi tắt là Công ty TT) và được Công ty TT ký hợp đồng lao động. Từ tháng 6/2006 đến tháng 10/2010, bà H có tham gia Bảo hiểm xã hội. Trong thời gian này, bà H cũng ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế công nghiệp YC, có trụ sở tại Đường số 4, Khu công nghiệp ĐA, thành phố TA, tỉnh BD (cũ). Việc bà H dùng giấy tờ cá nhân bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty TT đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H làm đơn yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH TT với bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H thực hiện) từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 vô hiệu. Bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà H và bà H là chị em họ. Khoảng tháng 4/2006, bà H có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H để làm hồ sơ xin vào làm việc tại Công ty TNHH TT và Công ty có tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà H dưới thông tin cá nhân của bà H từ tháng 6/2006 đến tháng 9/2010. Trong thời gian này bà H cũng ký H đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Quốc tế công nghiệp YC, có trụ sở tại Đường số 4, Khu công nghiệp ĐA, thành phố TA, tỉnh BD (cũ). Bà H xác định đã nhận chế độ bảo hiểm xã hội sau khi bà nghỉ việc. Bà H đồng ý với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH TT với bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H thực hiện) từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 vô hiệu. Bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TT: không có ý kiến trình bày và vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố TU trình bày:* Qua kiểm tra, đối chiếu dữ liệu của bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/12/1974, số Chứng minh nhân dân: 194067xxx (số Căn cước công dân: 04417400xxxx) được Công ty TNHH TT tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN), với mã số BHXH 910609xxxx từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 (kèm theo bản quá trình tham gia). Tại thời điểm tra cứu, thông tin

giải quyết hưởng các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp như sau: Mã số 910609xxxx, bà Nguyễn Thị H đã hưởng BHXH 1 lần, đã hưởng trợ cấp BHTN.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH TT với bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H thực hiện) từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 vô hiệu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H cùng thống nhất nội dung bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp tham gia ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH TT từ tháng 6/2006 đến tháng 9/2010 với tên Nguyễn Thị H. Quá trình làm việc, Công ty TNHH TT tham gia đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị H với tên Nguyễn Thị H, số sổ BHXH: 9106094372 thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010, bà H đã hưởng BHXH một lần, đã hưởng trợ cấp BHTN. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị H sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH TT từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, H tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên thuộc trường H H đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ Luật Lao động.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H thực hiện) và Công ty TNHH TT từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH TT, thời gian làm việc từ tháng 06/2006 đến tháng 9/2010 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00136xxx ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Võ Thị Lê